

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến  
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được  
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính  
phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để  
thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chi tiết và hướng dẫn thi  
hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ  
Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng  
02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định chi tiết và  
hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công  
nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,  
phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết  
định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành PL- Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh VL;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quỳnh Thiện**

**QUY ĐỊNH**

**Chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến  
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 62 /2026/QĐ-UBND)

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định này quy định chi tiết về thẩm quyền, điều kiện, trình tự xét công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

b) Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Phạm vi cơ sở*" là giới hạn không gian áp dụng, mức độ ảnh hưởng trong nội bộ cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng và có thẩm quyền xem xét, công nhận sáng kiến.

2. "*Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến*" là con số thể hiện mức độ tham gia và công sức đóng góp của từng cá nhân trong nhóm đồng tác giả. Chỉ số này là căn cứ bắt buộc để phân chia quyền lợi kinh tế, bao gồm việc chi trả thù lao và phân bổ các lợi ích vật chất phát sinh từ việc áp dụng sáng kiến, đảm bảo tính công bằng và minh bạch giữa các thành viên cùng thực hiện giải pháp.

**Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến**

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp

quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (như: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (như: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (như: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

Sản phẩm dưới dạng thiết bị được thể hiện như thay thế một bộ phận trong một thiết bị, máy móc: thay dây cua-roa bằng bánh răng mà thiết bị hoạt động hiệu quả hơn.

b) Quy trình (như: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật).

Quy trình công nghệ như quy trình sản xuất chế phẩm phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm xử lý môi trường;

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp, giải pháp tổ chức bố trí nhân lực, sắp xếp bộ máy và phương tiện làm việc, sử dụng dây chuyền thiết bị sản xuất; các phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát.

Phương pháp tổ chức công việc được thể hiện như lập trạm rửa xe trong bệnh viện: Sử dụng đất dư của bệnh viện, sử dụng nhân sự bảo vệ không thuộc ca làm việc, tiết kiệm thời gian, chi phí rửa xe cứu thương, xe công của bệnh viện và xe của cán bộ bệnh viện.

Phương pháp điều hành được hiểu như việc tổ chức điều hành triển khai các dự án, công trình xây dựng, các chương trình phát triển kinh tế xã hội địa phương;

b) Giải pháp, biện pháp quản lý tài sản, tài chính công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Giải pháp, biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội;

d) Giải pháp, biện pháp bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư; xây dựng nông thôn mới;

đ) Giải pháp đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách hoặc cải tiến quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp tổ chức thẩm định, thẩm tra tiếp thu, chỉnh lý các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, phương pháp tổ chức giám sát, tiếp xúc cử tri, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện.

Phương pháp tuyên truyền được thể hiện như áp dụng tuyên truyền phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ tới học sinh tiểu học thông qua hình thức chiếu phim hoạt hình, ứng dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, các chuyên mục trên báo, đài phát thanh - truyền hình địa phương, xây dựng các video, infographic, tài liệu truyền thông dễ hiểu nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng, tổ chức và cá nhân về vai trò của sở hữu trí tuệ trong phát triển kinh tế – xã hội;

d) Phương pháp cải tiến chế độ, phương pháp làm việc, quy trình tác nghiệp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị;

đ) Phương pháp huấn luyện động vật là các cách thức, quy trình, kỹ thuật nhằm dạy, điều khiển, rèn luyện hành vi của động vật (huấn luyện chó nghiệp vụ, dạy thú biểu diễn, huấn luyện gia súc, gia cầm theo phản xạ);

4. Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật được thể hiện như áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công việc.

#### **Điều 4. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến**

Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Tác giả sáng kiến là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

2. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến và không khống chế tỷ lệ phần trăm đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến nhưng phải chứng minh được việc đóng góp trí tuệ của mình trong giải pháp sáng kiến tạo ra bằng tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến được thể hiện trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

3. Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (như hỗ trợ tính toán, gia công, tìm thông tin tư liệu, đánh máy, đóng góp ý kiến).

#### **Điều 5. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến**

1. Việc xét công nhận sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công

khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

2. Sáng kiến sao chép của tác giả khác, sao chép từ các nguồn tài liệu đã được công bố trên các trang tin điện tử hoặc sáng kiến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nếu bị phát hiện thì kết quả công nhận sẽ bị hủy bỏ.

3. Mỗi sáng kiến chỉ được xét công nhận sáng kiến một lần, mỗi cá nhân (hoặc nhóm cá nhân là đồng tác giả) có thể được xét và công nhận nhiều sáng kiến khác nhau cùng một lúc.

**Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu**

Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả, đồng tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

**Chương II**

**THẨM QUYỀN, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ XÉT  
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

**Điều 7. Cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến**

Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến được quy định tại Điều 2 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

1. Có tư cách pháp nhân: Được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ.

**Điều 8. Điều kiện xét công nhận sáng kiến**

1. Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi một cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực (hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công

nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

### **Điều 9. Trình tự xét công nhận sáng kiến**

1. Yêu cầu công nhận sáng kiến: Thực hiện theo khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

a) Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả, đồng tác giả tự nguyện thực hiện, không bắt buộc phải đăng ký sáng kiến ngay từ đầu năm dương lịch đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài hệ thống giáo dục hoặc đầu năm học đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tác giả, đồng tác giả chủ động lựa chọn thời điểm phù hợp để đề nghị công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Sáng kiến có đồng tác giả thuộc nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau thì việc đề nghị xét, công nhận sáng kiến phải có ý kiến thống nhất của các đồng tác giả về việc nộp đơn (hoặc từ bỏ quyền tác giả) đối với sáng kiến; đồng thời phải có xác nhận của cơ quan nơi tác giả đang công tác về việc tác giả tham gia thực hiện sáng kiến.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến: Thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, cụ thể:

a) Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

b) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn;

c) Đơn yêu cầu công nhận kèm theo tài liệu chứng minh sáng kiến đã áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực tại cơ sở (văn bản triển khai, báo cáo thể hiện hiệu quả sáng kiến, văn bản phối hợp, hình ảnh, sản phẩm/mô hình giảng dạy);

d) Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm, kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu tiên (nếu sáng kiến trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên) và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm kế tiếp năm sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu. Cơ sở có quyền từ chối tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi tác giả, đồng tác giả nộp sau thời hiệu quy định tại điểm này;

đ) Trường hợp giải pháp đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện thì tác giả, đồng tác giả phải nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi được cấp có thẩm quyền quyết định ban hành;

e) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và tác giả sáng kiến chính là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thì tài liệu kèm theo phải có thêm văn bản về việc chấp thuận công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền.

### 3. Tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Cơ sở quy định tại Điều 6 của Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, ghi nhận vào sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và gửi lại người nộp đơn Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN;

b) Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả, đồng tác giả sáng kiến; trường hợp kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy đủ cơ sở kết luận những người nộp đơn không đúng đối tượng là tác giả, đồng tác giả sáng kiến thì cơ sở có quyền từ chối chấp nhận đơn;

c) Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thực hiện các nội dung sau đây:

Thông báo cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa, bổ sung;

Thông báo cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan và lưu giữ đơn, các tài liệu kèm theo đơn theo quy định;

Thông báo cho tác giả, đồng tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

### 4. Xét công nhận sáng kiến

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cụ thể:

a) Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hợp lệ. Trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả, đồng tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả, đồng tác giả được biết về việc này;

b) Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến;

c) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định; nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 12 Quy định này;

d) Đầu mỗi tham mưu xét công nhận sáng kiến thực hiện tổng hợp, phân loại, rà soát, kiểm tra sơ bộ đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và trả lời sáng kiến về tính hợp lệ hoặc không hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và tham

muu người đứng đầu ký văn bản trả lời cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến.

Đầu mỗi tham mưu xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở quyết định. Nhiệm vụ của đầu mỗi tham mưu xét công nhận sáng kiến là tham mưu các hoạt động liên quan đến công nhận sáng kiến cho người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

Đầu mỗi tham mưu xét công nhận sáng kiến trình người đứng đầu cơ sở toàn bộ kết quả rà soát, thẩm định sáng kiến hoặc kết quả đánh giá sáng kiến của Hội đồng sáng kiến (trường hợp thành lập Hội đồng sáng kiến). Trên cơ sở đó, người đứng đầu cơ sở quyết định công nhận sáng kiến cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến hoặc từ chối công nhận sáng kiến;

đ) Sáng kiến được đánh giá đạt điều kiện công nhận được cấp Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến cho từng tác giả, đồng tác giả. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN;

e) Cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm công bố, đăng tải kết quả công nhận sáng kiến trên cổng, trang thông tin điện tử của đơn vị;

g) Đối với những sáng kiến không đạt, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tác giả, đồng tác giả được biết và phải nêu rõ lý do.

## **Điều 10. Hội đồng sáng kiến**

### **1. Hội đồng sáng kiến**

a) Theo Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, thành phần Hội đồng sáng kiến gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo Quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Các chuyên gia không phải là người trực tiếp tham gia tạo ra sáng kiến hoặc có lợi ích liên quan;

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

### **2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng sáng kiến**

a) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng;

b) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến.

### 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, khoa học, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của hoạt động tư vấn đánh giá sáng kiến. Các thành viên Hội đồng sáng kiến thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn;

b) Các thành viên Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ nghiên cứu, thảo luận, xem xét, đánh giá nội dung sáng kiến theo quy định tại Điều 3, Điều 8 Quy định này; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về ý kiến tư vấn của mình; giữ bí mật về các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn và đảm bảo các quy định khác theo pháp luật hiện hành. Ý kiến và kiến nghị của các thành viên Hội đồng sáng kiến được thể hiện bằng Phiếu đánh giá theo Mẫu 01 kèm theo Quy định này;

c) Phiên họp của Hội đồng sáng kiến chỉ được tiến hành khi có mặt 2/3 thành viên, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền điều hành cuộc họp Hội đồng. Các thành viên vắng mặt phải có phiếu đánh giá và gửi đến Hội đồng trước khi tiến hành cuộc họp;

d) Giải pháp được công nhận là sáng kiến phải đạt 2/3 ý kiến của các thành viên Hội đồng đồng ý (số phiếu đạt) và được ghi vào Biên bản kiểm phiếu theo Mẫu 02 kèm theo Quy định này;

đ) Hội đồng sáng kiến có quyền yêu cầu tác giả, đồng tác giả sáng kiến trực tiếp báo cáo sáng kiến hoặc tiến hành kiểm tra, thẩm định thực tế sáng kiến tại cơ sở nếu thấy cần thiết.

### **Điều 11. Hủy bỏ công nhận sáng kiến**

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN, cụ thể như sau:

a) Người đứng đầu cơ sở quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp đầy đủ tài liệu minh chứng người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến; sáng kiến được công nhận không đáp ứng điều kiện về tính mới, không có khả năng mang lại lợi ích thiết thực và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

b) Người đứng đầu cơ sở quyết định tổ chức họp Hội đồng sáng kiến để xem xét quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp có tranh chấp, kiện cáo giữa các bên về kết quả công nhận sáng kiến; cần có ý kiến chuyên gia, chuyên ngành để khẳng định sáng kiến không đáp ứng điều kiện về tính mới và điều kiện về khả năng mang lại lợi ích thiết thực, có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

c) Cuộc họp của Hội đồng sáng kiến cơ sở phải mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả, đồng tác giả dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý và phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng;

d) Khi quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải thu hồi và hủy bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận sáng kiến đã cấp cho tác giả; thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả được hưởng từ sáng kiến đó.

## **Điều 12. Xác định và chấp thuận công nhận sáng kiến do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật**

1. Cách xác định sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, như sau:

a) “Tác giả, đồng tác giả sáng kiến” thuộc trường hợp xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thuộc nhà nước đã trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính sức lao động và sáng tạo của mình, được ghi tên là tác giả, đồng tác giả trong Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và sáng kiến đó do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật;

b) “Đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật” là cung cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật hoặc kinh phí để nghiên cứu tạo ra, triển khai áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến;

c) “Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại đơn vị cơ sở” nếu sáng kiến đã được triển khai áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu tại cơ sở xét công nhận sáng kiến thuộc nhà nước thì được hiểu là nhà nước cung cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo ra, áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu sáng kiến.

### **2. Xét chấp thuận công nhận sáng kiến do nhà nước đầu tư**

Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận và được hiểu như sau:

Trường hợp cơ sở công nhận sáng kiến là sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi thực hiện thủ tục xét công nhận sáng kiến tại cơ sở, nếu sáng kiến được công nhận của người đứng đầu tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì phải thực hiện nộp hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận công nhận sáng kiến (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Các trường hợp khác do cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó xem xét chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long nếu cơ sở đó có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Long hoặc cơ quan, tổ

chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Trong hai cơ quan, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long, nơi cơ sở xét công nhận sáng kiến đóng trụ sở và cơ quan, tổ chức của nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ quan nào nhận được (hoặc nhận được sớm hơn) hồ sơ theo quy định thì sẽ chủ trì xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến và có thể yêu cầu cơ quan còn lại phối hợp thực hiện;

3. Trường hợp không chấp thuận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Hồ sơ xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

5. Thời hạn xem xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến cho các tác giả (đồng tác giả) quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

### **Điều 13. Quản lý hồ sơ sáng kiến**

Cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ sáng kiến theo quy định của pháp luật về lưu trữ để phục vụ việc khai thác, áp dụng sáng kiến và các công việc có liên quan đến hoạt động sáng kiến. Trong quá trình tổ chức lưu trữ hồ sơ sáng kiến phải giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

## **Chương III**

### **CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN**

#### **Điều 14. Phổ biến sáng kiến**

1. Các cơ sở có sáng kiến được công nhận có trách nhiệm báo cáo tình hình công nhận sáng kiến cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cơ sở có trụ sở để theo dõi và hỗ trợ phổ biến sáng kiến.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình, cụ thể:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyển giao sáng kiến cho các cơ sở khác trên địa bàn;

c) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

d) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

3. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

### **Điều 15. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo**

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo;

c) Tổ chức phát động phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị; tổ chức hội thảo, tọa đàm, câu lạc bộ nhằm chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay sáng tạo; công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp và các sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến;

3. Tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

b) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự và thủ tục thi đua, khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng số

06/2022/QH15, các hướng dẫn, quy định thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Thẻ lệ Hội thi có liên quan.

### **Điều 16. Áp dụng và chuyển giao sáng kiến**

1. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Những sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận, đưa vào áp dụng có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi và có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện sáng kiến, áp dụng sáng kiến để phổ biến cho công chúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo từ thực tiễn, nâng cao hiệu quả sản xuất-quản lý, đóng góp trực tiếp vào năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng kiến đã được ứng dụng hiệu quả để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh**

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh về việc thực hiện Quy định này;

c) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến; hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công

nghiệp;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn tỉnh;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc công nhận sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước;

e) Xem xét, quyết định việc công nhận sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

g) Theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh; Định kỳ hàng năm, tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, doanh nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính hằng năm phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương; đảm bảo dựa trên nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức, đơn vị liên quan tư vấn, hướng dẫn tác giả có sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận tham gia các hội thi, cuộc thi về sáng tạo khoa học và công nghệ để có hình thức vinh danh, khen thưởng kịp thời.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này. Thực hiện rà soát các quy định, quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ sở;

c) Tổ chức tiếp nhận, thực hiện đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến và xử lý khiếu nại, tố cáo (nếu có) thuộc phạm vi, địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Hằng năm lập dự toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động sáng kiến, gửi cơ quan tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại cơ sở theo Mục 5 Biểu số 10.1/SHTT Phần C Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Mẫu 03 kèm Quy định này) về Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 18. Chi phí cho hoạt động sáng kiến, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến**

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh từ các nguồn: ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, được áp dụng theo Điều 2 của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Nội dung và mức chi cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Chi phí cho hoạt động sáng kiến trong đó có chi phí để tạo ra và áp dụng sáng kiến, phổ biến sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và khoản 1 Điều 16 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

4. Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

5. Kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo được trích từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức và các nguồn tài trợ khác.

6. Đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng trên địa bàn tỉnh thì tác giả sáng kiến và người đứng đầu đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm cung cấp nội dung và lợi ích của sáng kiến cho các đơn vị khác trong tỉnh áp dụng sáng kiến đó theo quy định hiện hành.

7. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

### **Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, đồng thời rà soát các quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

.....<sup>(1)</sup>.....  
 .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

1. Tên sáng kiến: .....
2. Tác giả sáng kiến: .....
3. Họ và tên thành viên Hội đồng: .....
4. Đánh giá của thành viên Hội đồng: .....

| TT | Tên chỉ tiêu đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đánh giá |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt      | Không đạt |
|    | <p><b>Tính mới:</b> Đạt khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không trùng với nội dung của sáng kiến trong yêu cầu công nhận sáng kiến nộp trước;</li> <li>- Chưa bị bộc lộ công khai trong phạm vi cơ sở bằng mọi hình thức trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;</li> <li>- Không trùng với sáng kiến của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;</li> <li>- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.</li> </ul> <p><i>(Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó)</i></p> |          |           |
|    | <p><b>Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực</b></p> <p><i>(Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động quản lý của đơn vị, nâng cao chất lượng công việc, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |           |

|  |                                                                                                                                                              |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | thuật,...), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, ...). |  |  |
|  | <b>Kết quả</b>                                                                                                                                               |  |  |

**Tiêu chuẩn phân loại sáng kiến:** Sáng kiến được đánh giá được phân thành 2 loại đạt và không đạt

- Các sáng kiến có hai tiêu chí đạt thì được công nhận là **đạt**
- Các sáng kiến có một hoặc hai tiêu chí không đạt thì là **không đạt**

### 5. Nhận xét :

- Tính mới:

.....

.....

.....

- Hiệu quả kinh tế:

.....

.....

.....

- Hiệu quả về lợi ích xã hội

.....

.....

.....

- Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**Thành viên Hội đồng**

<sup>(1)</sup>Tên cơ sở công nhận sáng kiến

MẪU 02

(1) .....  
 .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**

**1. Tên sáng kiến:** .....

**2. Tên tác giả:**.....

**3. Quyết định thành lập Hội đồng xét sáng kiến**

**4. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:** .....

- Số phiếu phát ra: .....

- Số phiếu thu về : .....

- Số phiếu hợp lệ: .....

- Số phiếu đánh giá ở mức đạt, không đạt tổng số phiếu hợp lệ:...../.....

· Đạt: ...../.....

· Không đạt ...../.....

**5. Kết luận:** *(Sáng kiến được đánh giá ở mức “Đạt” khi có ít nhất 2/3 số phiếu đánh giá “Đạt” trên tổng số thành viên Hội đồng có mặt)*

· Đạt ☐

· Không đạt ☐

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**Thư ký**

**Chủ tịch hội đồng**

(1) Tên cơ sở công nhận sáng kiến

**MẪU 03**

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA ĐƠN VỊ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số .... /2026/QĐ-UBND ngày.....tháng ...năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long)*

**TÊN ĐƠN VỊ BÁO  
CÁO.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG**  
**SÁNG KIẾN GIAI ĐOẠN TỪ ..... ĐẾN .....**

**Kính gửi:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

**I. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo**

**1. Kết quả hoạt động:**

*Kết quả triển khai các hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo tại cơ quan, đơn vị, địa phương (tổ chức hội thi sáng tạo, triển lãm, diễn đàn sáng kiến, tổng kết khen thưởng hoạt động sáng kiến...):*

**2. Nhận xét:**

**II. Phổ biến sáng kiến**

**1. Kết quả hoạt động:**

*Kết quả triển khai các hoạt động phổ biến sáng kiến tại cơ quan, đơn vị, địa phương (tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến, hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến từ kinh phí nhà nước, hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến...):*

**2. Nhận xét:.....**

.....

**Nơi nhận:**

-.....

-.....

**Thủ trưởng**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

**Phụ lục**  
**SỔ LIỆU TỔNG HỢP**

(Kèm theo Báo cáo số ...../.....ngày...../.../... của .....)

**1. Sáng kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Nhà nước:**

| TT | Đơn vị | Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến | Tổng số sáng kiến được công nhận | Tổng số sáng kiến đang được áp dụng | Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng | Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến | Tổng số sáng kiến được chuyển giao | Tổng số tiền thu được đối với những sáng kiến được chuyển giao | Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận | Lĩnh vực áp dụng |
|----|--------|----------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1  |        |                                                    |                                  |                                     |                                                          |                                                |                                    |                                                                |                                                                              |                  |
| 2  |        |                                                    |                                  |                                     |                                                          |                                                |                                    |                                                                |                                                                              |                  |

**2. Sáng kiến của các doanh nghiệp ngoài Nhà nước:**

| TT   | Đơn vị | Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến | Tổng số sáng kiến được công nhận | Tổng số sáng kiến đang được áp dụng | Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến - đang được áp dụng | Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến | Tổng số sáng kiến được chuyển giao | Tổng số tiền thu được đối với những sáng kiến được chuyển giao | Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận | Lĩnh vực áp dụng |
|------|--------|----------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1.   |        |                                                    |                                  |                                     |                                                            |                                                |                                    |                                                                |                                                                              |                  |
| 2.   |        |                                                    |                                  |                                     |                                                            |                                                |                                    |                                                                |                                                                              |                  |
| .... | .....  | .....                                              | .....                            | .....                               | .....                                                      | .....                                          | .....                              | .....                                                          | .....                                                                        | .....            |

**3. Sáng kiến của các đối tượng khác (nông dân, học sinh, sinh viên, người lao động tự do,...):**

- Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:.....
- Tổng số sáng kiến được công nhận:.....

- Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:.....
- Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:.....
- Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:.....
- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:.....

#### 4. Hoạt động chuyển giao sáng kiến:

| STT  | Họ tên tác giả | Tên sáng kiến | Giá chuyển giao | Số lần chuyển giao | Thù lao trả cho tác giả |
|------|----------------|---------------|-----------------|--------------------|-------------------------|
| 1    |                |               |                 |                    |                         |
| 2    |                |               |                 |                    |                         |
| .... | .....          | .....         | .....           | .....              | .....                   |

#### 5. Cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:

| STT   | Họ tên tác giả | Tên sáng kiến | Kinh phí hỗ trợ của tư nhân | Kinh phí hỗ trợ của nhà nước | Dự kiến kết quả (Khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến) |
|-------|----------------|---------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1     |                |               |                             |                              |                                                           |
| 2     |                |               |                             |                              |                                                           |
| ..... | .....          | .....         | .....                       | .....                        | .....                                                     |

#### 6. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến:

| STT   | Họ tên tác giả | Tên sáng kiến | Lý do hủy bỏ |
|-------|----------------|---------------|--------------|
| 1     |                |               |              |
| 2     |                |               |              |
| ..... | .....          | .....         | .....        |